

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 18 - 8 - 2017

V/v Ly hôn giữa chị P và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thanh Hùng.

Ông Nguyễn Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Duẩn là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Yến P, sinh năm 1972; địa chỉ: 54^{KDC} ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: 54^{KDC} ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị Yến P trình bày: Về hôn nhân: Chị P và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay không đăng ký kết hôn (theo xác nhận ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã T). Chị P trình bày trong những năm gần đây anh T thường xuyên ngược đãi, bạo lực gia đình với chị, dẫn đến từ năm 2001 đến năm 2002 chị P phải về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Sau đó chị P tiếp tục về chung sống với anh T đến năm 2015 thì chị P khởi kiện xin ly hôn với anh T. Được Tòa án hòa giải, chị P rút đơn khởi kiện để chung sống lại với anh T, nhưng anh T vẫn tiếp tục ngược đãi, bạo lực gia đình với chị P, dẫn đến chị P thật sự không còn chung sống với anh T từ đầu năm 2017 đến nay. Do đó chị P yêu cầu được ly hôn anh T. Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1995 và Nguyễn Trí C, sinh ngày 11/01/2007. Cháu C đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã trưởng thành, muốn sống với chị P hay anh T là tùy cháu N và người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Về chia tài sản và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T, từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến phản bác gì về yêu cầu khởi kiện của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Trương Thị Yến P xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị P và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ cư trú tại số 54^{KDC} ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Trương Thị Yến P và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình mà không đăng ký kết hôn (theo xác nhận ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã T) thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Yến P và anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị P và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1995 và Nguyễn Trí C, sinh ngày 11/01/2007, cháu C đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy cháu N đã trưởng thành, muốn sống với chị P hay anh T là tùy cháu N và người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Đối với cháu C, đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cháu C cũng có nguyện vọng được sống với chị P. Xét thấy yêu cầu của chị P và nguyện vọng của cháu C phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định giao cháu C cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, theo quy định tại Điều 15 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Chị P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn T, từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T không gửi bản trình bày ý kiến đến Tòa án cho biết ý kiến của anh T qua yêu cầu khởi kiện của chị P, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, anh T phải gánh chịu mọi hậu quả theo quy định tại Điều 96 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Yến P và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Trí C, sinh ngày 11/01/2007 cho chị Trương Thị Yến P trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

2.3. Sau khi ly hôn, chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Trương Thị Yến P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 10403 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (chị P đã nộp đủ án phí).

6. Chị P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- Đ/s: P, T;
- Lưu: HSVA, VPTA (Duan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Kiến